TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2022
Về việc"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa***: Bà Đặng Vân Hoàng Yến- kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 154/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 899/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 915/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 382/TB-TA ngày 09/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Hằng N1, sinh năm 1999 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 2394, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ hiện nay: ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1996 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 2394, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Hằng N1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N1 và anh Nguyễn Hoàng N2 yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N vào năm 2019. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì Chị N1 phát hiện anh N2 chơi ma túy đá, Chị N1 có nhiều lần khuyên răn nhưng anh

N2 không bỏ ma túy mà còn đem về nhà để chơi. Chị N1 cũng báo với cha mẹ bên chồng để khuyên răn nhưng chỉ hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện được. Từ tháng 10/2020 Chị N1 đem theo con chung về nhà cha mẹ ruột ở ấp 1, xã P để sống, còn anh N2 thì vẫn sống tại nhà cha mẹ ruột ở ấp 2, xã P. Đây cũng chính là thời gian ly thân của vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh N2 được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị N1 được ly hôn với anh N2.

- Về con chung: Chị N1 và anh N2 chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 09/5/2020. Hiện nay cháu H đang sống cùng với Chị N1 và ông bà ngoại. Nếu ly hôn, Chị N1 có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh N2 phải cấp dưỡng nuôi con. Từ khi vợ chồng ly thân, anh N2 thỉnh thoảng cũng có qua thăm cháu H nhưng không phụ tiền Chị N1 nuôi con. Hiện nay Chị N1 đang làm lễ tân nhà hàng Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng - 16.000.000 đồng. Do lương trả bằng tiền mặt nên Chị N1 không có phiếu lương nên Chị N1 không thể cung cấp cho Tòa án.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc và không có điều kiện đi lại nên Chị N1 xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử, Chị N1 cam kết không có thắc mắc, khiếu nại gì.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn anh Nguyễn Hoàng N2 nhưng anh N2 không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Hằng N1.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 09/5/2020 cho Chị N1 nuôi dưỡng. Tạm thời anh N2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Hằng N1 khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hoàng N2, hiện các đương sự đang thường trú và sinh sống tại huyện N, tỉnh Đồng Nai, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Hằng N1 vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị N1, anh N2.

[2] Về hôn nhân: Chị N1 và anh N2 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên Chị N1 nộp đơn xin ly hôn anh N2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời anh N2 tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh N2 không đến tham gia phiên hòa giải, từ đó cho thấy anh N2 không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác theo lời khai của Chị N1 thì vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, không có bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc Chị N1 xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị N1 được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N2.

[3] Về con chung: Chị N1 khai có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 09/5/2020. Tại tòa, Chị N1 yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N2 cấp dưỡng. Kể từ khi sống ly thân, Chị N1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Chị N1 có thu nhập và chỗ ở ổn định nên Hội đồng xét xử xử giao con chung cho Chị N1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N1 không yêu cầu anh N2 phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N1 phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Hằng N1. Xử cho Chị N1 được ly hôn anh Nguyễn Hoàng N2.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 09/5/2020 cho Chị N1 tiếp tục nuôi dưỡng. anh N2 không cấp dưỡng nuôi con.

anh N2 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị N1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001500 ngày 30/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị N1 đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS,THA huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Hữu Chí